

Số: 103/2025/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 20 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 95/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Vương Thị Th, sinh năm 1997.

- Anh Trần Công H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ tại: Thôn Noong II, xã Phú L, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Vương Thị Th và anh Trần Công H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh T (nay là xã Kim B, tỉnh T) cấp ngày 15/01/2019.

[2] Theo đơn yêu cầu ngày 25/9/2025, chị Vương Thị Th và anh Trần Công H yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; Yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng; Về tài sản chung và công nợ chung: Không có.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, chị Vương Thị Th và anh Trần Công H thực sự tự nguyện ly hôn, tự nguyện thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng, thống nhất về tài sản chung, công nợ chung không có. Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 10 năm 2025, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc dân sự.

[4] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Th và anh Trần Công H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cháu Trần Hữu K, sinh ngày 11/02/2019 cho anh Trần Công H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao cháu Trần Hải Đ, sinh ngày 12/6/2020 cho chị Vương Thị Th trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh H và chị Th có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí: Chị Vương Thị Th tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí chị Th đã nộp theo biên lai số 0000620 ngày 06/10/2025 tại Thị hành án dân sự tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- THADS tỉnh;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Kim B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Phúc